

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
TRƯỜNG THPT SỐ 1 THÀNH PHỐ LÀO CAI**

**KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2020-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

THÁNG 9/2020

Số: 49/KH-THPT1LC

Lào Cai, ngày 22 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
Giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030

PHẦN MỞ ĐẦU

I. Các văn bản căn cứ để xây dựng kế hoạch

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ thành phố Lào Cai nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết của Đại hội Chi bộ trường THPT số 1 TP Lào Cai;

Căn cứ các văn bản của Sở GD&ĐT số 1792/SGD&ĐT-TCCB ngày 22/10/2019 về việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025; số 781/SGD&ĐT-TCCB ngày 08/6/2020 về việc chỉnh sửa và hoàn thiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường;

Căn cứ tình hình thực tiễn tại nhà trường.

II. Giới thiệu chung về nhà trường

Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai là trường được thành lập đầu tiên trong các trường THPT của tỉnh Lào Cai (năm 1961). Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, song song với nhiều biến cố của lịch sử đất nước, trải qua nhiều lần di chuyển, sáp nhập, hai lần phải gây dựng từ đầu, nhưng trường THPT số 1 TP Lào Cai vẫn luôn khẳng định là địa chỉ giáo dục có uy tín, chất lượng cao của tỉnh Lào Cai.

Từ ngày thành lập đến nay, trường THPT số 1 thành phố Lào Cai đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc và tái thiết tỉnh Lào Cai sau ngày tái thành lập, góp phần quan trọng trong phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh. Những thành tích của nhà trường đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động Hạng Ba (1996), Huân chương Lao động Hạng Nhì (2001), Huân chương Lao động Hạng Nhất (2008), Huân chương Độc lập Hạng Ba (2011); Cờ thi đua của

Chính phủ (các năm 2001, 2005, 2006, 2009, 2010, 2012, 2014, 2020); liên tục trong nhiều năm nhà trường đã nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh và đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc. Nhà trường được công nhận chuẩn Quốc gia (năm 2010, 2016), được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (năm 2010, 2017).

Hiện tại nhà trường nằm ở trung tâm thành phố, số lượng học sinh trong các năm gần đây dao động từ hơn 900 đến 1.100 học sinh (30 lớp); đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiện tại gồm 65 người (04 cán bộ quản lý - 01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng; 61 giáo viên), trong đó có 27 thạc sĩ, 22 giáo viên giỏi cấp tỉnh, 24 giáo viên cốt cán cấp tỉnh; đội ngũ nhân viên gồm 06 người.

Về chất lượng giáo dục trong những năm học gần đây: Tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm Khá, Tốt từ 95% trở lên; Học sinh xếp loại học lực Khá, Giỏi đạt từ 70% trở lên; Tỷ lệ học sinh đỗ vào Cao đẳng, Đại học trên 90%, trong đó tỷ lệ đỗ đại học trên 80%; Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT từ 99,67% đến 100%; Số giải học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh từ 42-65 giải/năm học; Số giải nghiên cứu khoa học kỹ thuật (KHKT) cấp tỉnh từ 7-12 giải/năm học. Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019, có 03 học sinh đạt giải Khuyến khích cấp quốc gia môn Lịch sử; 01 giải Ba, 02 giải Nhất thi nghiên cứu KHKT cấp quốc gia; 01 giải Ba Hội thi KHKT cấp quốc tế.

Về cơ sở vật chất, nhà trường mới được chuyển về Cụm trường phường Kim Tân, thành phố Lào Cai từ ngày 01/9/2020, theo Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Lào Cai. Nhà trường hiện có 01 tòa nhà 6 tầng giáp với mặt đường Trung Đô, gồm: 24 phòng làm việc; 51 phòng học; diện tích để xe, kho; diện tích sân, hành lang, khu vệ sinh, cầu thang; toàn bộ tài sản trang thiết bị gắn với diện tích sử dụng trường học (cửa sổ, cửa chính, thiết bị điện, thiết bị nước, điều hòa, hệ thống camera, các thiết bị khác gắn liền với tòa nhà, ...).

PHẦN NỘI DUNG

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình chung

1.1. Về số lượng

1.1.1. Học sinh

TT	Khối	Tổng số lớp	Học sinh				Ghi chú
			Tổng số	Nữ	Dân tộc		
					Tổng	Nữ	
01	Khối 10	10	347	183	28	18	
02	Khối 11	10	354	195	29	20	
03	Khối 12	10	390	214	34	23	
04	Cộng	30	1091	592	91	61	

1.1.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

TT	Vị trí việc làm	Số người			Dân tộc		Trình độ chuyên môn		Tiêu chuẩn VTVL			Kiến thức QPAN	Ghi chú
		Tổng	Nữ	Hạng II	Tổng	Nữ	Thạc sỹ	Đại học	Chứng chỉ				
									Tiếng Anh	Tin học	BD CD NN hạng II		
I	CBQL	4	2	4	1	0	4		4	4	4	3 ĐT3, 1 ĐT4	
1	Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	1	0	1	1	1	ĐT3	
2	Phó Hiệu trưởng	3	1	3	1	0	3	0	3	3	3	2 ĐT3, 1 ĐT4	
II	Giáo viên	61	44	12	4	4	23	38	61	57	48		
1	Toán	10	7	1	1	1	4	6	10	10	5	10 ĐT4	
2	Vật lí	8	4	1			4	4	8	8	6	8 ĐT4	
3	Hóa học	6	5	1	1	1	4	2	6	6	4	6 ĐT4	
4	Sinh học	5	5	2	2	2	3	2	5	5	5	5 ĐT4,	
5	Ngữ văn	7	7	4			5	2	7	7	7	6 ĐT4, 1 chưa BD	
6	Lịch sử	3	3	2			1	2	3	3	3	3 ĐT4	
7	Địa lí	2	2					2	2	2	2	2 ĐT4	
8	GDCD	1	1					1	1	1	1	1 ĐT4	
9	Tiếng Anh	8	5	1			2	6	8	8	8	7 ĐT4, 1 chưa BD	
10	Tiếng Trung	1	1					1	1	1	0	Chưa BD	
11	Tin học	5	3					5	4		3	5 ĐT4	ĐH Tin
12	Thể dục	5	1	1				5	5	5	3	5 ĐT4	
13	Công nghệ	0											
14	QPAN	6											5 - GV TD (01 học văn bằng 2 GDQP)
III	Nhân viên	7	4					3					
1	Văn thư												
2	Thủ quỹ	1	1										
3	Thiết bị	1	1					1					
4	Kế toán	1						1					
5	Bảo vệ	1											
6	Y tế	1	1										
7	Thư viện	1	1					1					

1.1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

TT	Danh mục	Số lượng	Thời gian sử dụng			Đánh giá sơ bộ về chất lượng	Ghi chú
			Dưới 5 năm	Từ 5 đến dưới 10 năm	Từ 15 năm trở lên		
1	Phòng hội đồng/hội trường	2	2			Tốt	
2	Phòng lãnh đạo	4	4			Tốt	
3	Phòng tổ chuyên môn	4	4			Tốt	
4	Phòng tổ chức, đoàn thể	2	2			Tốt	Đoàn, Công đoàn
5	Phòng hành chính	1	1			Tốt	
6	Phòng thường trực	1	1			Tốt	Tiếp dân
7	Nhà kho	7	7			Tốt	
8	Phòng giáo viên	3	3			Tốt	Phòng chờ
9	Phòng truyền thống	1	1			Tốt	
10	Phòng học	30	1			Tốt	
11	Phòng máy tính	5	5			Tốt	
12	Phòng thiết bị	1	1			Tốt	
13	Phòng thí nghiệm, thực hành	6	6			Tốt	
14	Phòng y tế	1	1			Tốt	
15	Phòng bảo vệ	0					
16	Phòng ở cho học sinh bán trú	0					
17	Phòng công vụ cho giáo viên	0					
18	Nhà vệ sinh	12	1			Tốt	
19	Sân chơi, bãi tập	1	1			Tốt	
20	Máy tính	140		140		40 máy cấp năm 2010 phải sửa chữa thường xuyên.	
21	Máy chiếu	40		40		30 máy cấp cùng hệ thống bảng tương tác đã xuống cấp, trong đó có 15 đã hỏng.	
22	Bàn ghế	600	366		234	234 bộ cũ, bàn liền ghế, không đảm bảo quy cách.	
23	Bảng	53	53			Tốt	
24	Khu để xe	1	1			Tốt	

1.2. Về chất lượng

1.2.1. Về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Năm học	Tổng số CBQL, GV, NV	Trình độ		Xếp loại chuyên môn giáo viên			Xếp loại theo chuẩn		Xếp loại viên chức				Kết quả thi đua	
		Thạc sĩ	TC LLCT	Giỏi	Khá	TB	Đạt	Không đạt	HT XSNV	HT TNV	HT NV	Không HTNV	CSTĐCS	LĐTT
2015 - 2016	77	16	Cao cấp: 2	28	38				27	47	3		8	48
2016 - 2017	75	20	Cao cấp: 2	26	38		67		27	46	2		9	44
2017 - 2018	72	23	Cao cấp: 3	28	37	1	62		22	49	1		8	45
2018 - 2019	73	24	Cao cấp: 3	33	25		60		37	35	1		8	43
2019 - 2020	71	25	Cao cấp: 3, Trung cấp: 4	25	35		62		15	55	1		8	44
2020 - 2021	71	27	Cao cấp: 3, Trung cấp: 4											

1.2.2. Về chất lượng giáo dục

Năm học	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Học lực				Hành kiểm				Số HSG cấp Tỉnh	Tỷ lệ đỗ TN THPT (%)	Tỷ lệ đỗ CĐ, ĐH
			Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu			
2015-2016	982	30	75	557	340	10	669	623	34	16	59	100	85%
2016-2017	974	30	98	513	322	13	706	216	44	8	45	99,7	90%
2017-2018	1075	30	106	685	280	4	781	270	22	2	65	100	90%
2018-2019	1093	30	152	732	205	4	908	170	11	4	55	100	92%
2019-2020	1092	30	195	756	140	2	988	101	2		57	100	

2. Môi trường bên trong

2.1. Mặt mạnh

- Nhà trường có nền nếp kỷ cương trong giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá, thi cử. Môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường, cha mẹ học sinh các lớp luôn quan tâm ủng hộ các hoạt động giáo dục của nhà trường. Phối hợp tốt giữa

nhà trường, gia đình học sinh trong việc quản lý, giáo dục học sinh, tạo điều kiện thuận lợi nhất để học sinh được học tập, rèn luyện và phát triển.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên; đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

- Hầu hết học sinh ngoan, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần tự giác chuyên cần trong học tập.

- Các điều kiện phục vụ cho các hoạt động giáo dục (Cơ sở vật chất, tài liệu, sách giáo khoa, sách tham khảo, phương tiện nghe nhìn, phòng máy tính, ...) tương đối đầy đủ, chất lượng sử dụng tốt.

2.2. Mặt yếu

- Chất lượng giáo dục toàn diện chưa đạt ở mức cao, nhà trường còn gặp nhiều khó khăn trong đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện, phát triển các kỹ năng, năng khiếu chuyên biệt ở học sinh (thể thao, hội họa, âm nhạc, nhiếp ảnh,...).

- Không có khu nội trú cho học sinh nên khó khăn trong việc tuyển các đối tượng học sinh khá, giỏi ở các huyện; phòng Thư viện được trang bị cơ sở vật chất (CSVC) chưa đáp ứng được yêu cầu của Thư viện trường học tiên tiến.

- Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Khả năng nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, năng lực về tin học, ngoại ngữ còn hạn chế.

3. Môi trường bên ngoài

3.1. Cơ hội

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Sở GD&ĐT thường xuyên quan tâm giúp đỡ; phụ huynh và nhân dân ủng hộ, tin tưởng nhà trường.

- Nhà trường nằm ở trung tâm thành phố, điều kiện kinh tế xã hội khá phát triển, đây là môi trường thuận lợi cho giáo viên, học sinh có điều kiện được học hỏi giao lưu và khẳng định năng lực của mình.

- Sự phát triển của công nghệ thông tin và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là cơ hội để nhà trường khẳng định vị thế, tạo bước chuyển biến đột phá về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng nhà trường theo hướng hiện đại, hội nhập.

3.2. Thách thức

- Các tác động tiêu cực của công nghệ thông tin, của mặt trái cơ chế thị trường đến đội ngũ giáo viên và học sinh nhà trường.

- Các tác động của hội nhập quốc tế trong việc giữ gìn truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

4. Các vấn đề chiến lược

4.1. Vấn đề quan tâm, bức xúc và nguyên nhân

Vấn đề chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất nhà trường do yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng nhà trường thành trường có chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập, trong hoàn cảnh cơ sở hạ tầng của nhà trường đã xuống cấp nghiêm trọng sau thời gian dài sử dụng.

4.2. Các vấn đề cần ưu tiên giải quyết trong giai đoạn 2021-2025

- Vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, quốc gia trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên vững mạnh toàn diện, đủ năng lực đảm đương nhiệm vụ của trường THPT có chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập.

II. Định hướng chiến lược

1. Sứ mệnh

Xây dựng trường học nền nếp, kỷ cương, chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập. Thầy mẫu mực, tận tâm, chuyên nghiệp. Mọi người đều được tôn trọng, tất cả học sinh đều được trao cơ hội để phát triển phẩm chất, năng lực, được thể hiện bản thân.

2. Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành trường có chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập. Giáo dục học sinh khỏe về thể chất, có trí tuệ, nhân cách tốt và hội nhập quốc tế. Kế hoạch giáo dục nhà trường ứng dụng giáo dục chất lượng cao, phương pháp giảng dạy và học tập giàu cảm hứng, có tính thực tiễn.

3. Các giá trị cơ bản

- Trách nhiệm.
- Chia sẻ.
- Yêu thương.
- Hợp tác.
- Sáng tạo.

III. Mục tiêu chiến lược

1. Dự báo tình hình trong giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Về học sinh

TT	Năm học	Số lượng lớp, học sinh theo khối						Ghi chú
		Khối 10		Khối 11		Khối 12		
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	
1	2020-2021	10	349	10	349	10	353	
2	2021-2022	10	350	10	350	10	350	
3	2022-2023	10	350	10	350	10	350	
4	2023-2024	10	350	10	350	10	350	
5	2024-2025	10	350	10	350	10	350	



1.2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

TT	Vị trí việc làm	Nhu cầu về đội ngũ từng năm học									
		2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
		Tổng	GV hạng II	Tổng	GV hạng II	Tổng	GV hạng II	Tổng	GV hạng II	Tổng	GV hạng II
I	CBQL	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	Phó Hiệu trưởng	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
II	Giáo viên	65	12	65	30	67	37	69	38	69	40
1	Toán	10	1	10	3	10	4	10	5	10	6
2	Vật lí	9	1	8	4	8	5	8	5	8	5
3	Hóa học	6		6	2	6	3	6	3	6	3
4	Sinh học	5	1	5	2	5	3	5	3	5	3
5	Ngữ văn	8	4	8	5	8	5	8	5	8	6
6	Lịch sử	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3
7	Địa lí	3		3	1	3	2	3	2	3	2
8	GDCD	2		2	1	2	1	2	1	2	1
9	Tiếng Anh	8	1	8	4	8	5	8	5	8	5
10	Tiếng Trung	1		1	1	1	1	1	1	1	1
11	Tin học	5	1	5	2	5	3	5	3	5	3
12	Thể dục	5	1	5	2	5	2	5	2	5	2
13	Công nghệ	0		1		1		1		1	
14	QPAN	5-GV TD		5-GV TD		5-GV TD		5-GV TD		5-GV TD	
15	Mỹ thuật					1		2		2	
16	Âm nhạc					1		2		2	
III	Nhân viên	7		8		8		8		8	
1	CNTT			1		1		1		1	
2	Thủ quỹ	1		1		1		1		1	
3	Thiết bị	1		1		1		1		1	
4	Kế toán	1		1		1		1		1	
5	Bảo vệ	2		2		2		2		2	
6	Văn thư, y tế	1		1		1		1		1	
7	Cấp dưỡng										
8	Giáo vụ										
9	Thư viện	1		1		1		1		1	

1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

TT	Danh mục	Số lượng	Nhu cầu				Ghi chú
			Sửa chữa	Bổ sung	Làm mới	Thay thế	
1	Phòng hội đồng/hội trường	2					Do trường vừa xây mới, cơ sở vật chất tốt nên không sửa chữa, bổ sung, làm mới, thay thế.
2	Phòng lãnh đạo	4					
3	Phòng tổ chuyên môn	4					
4	Phòng tổ chức, đoàn thể	2					
5	Phòng hành chính	1					
6	Phòng thường trực	1					
7	Nhà kho	7					
8	Phòng giáo viên	3					
9	Phòng truyền thống	1					
10	Phòng học	30					
11	Phòng máy tính	5					
12	Phòng thiết bị	1					
13	Phòng thí nghiệm, thực hành	6					
14	Phòng y tế	1					
15	Phòng bảo vệ	0					
16	Phòng ở cho học sinh bán trú	0					
17	Phòng công vụ cho giáo viên	0					
18	Nhà vệ sinh	12					
19	Sân chơi, bãi tập	1					
20	Máy tính	140				40	40 máy cấp năm 2010 phải sửa chữa thường xuyên.
21	Máy chiếu	40				18	30 máy cấp cùng hệ thống bảng tương tác đã xuống cấp, trong đó có 15 đã hỏng.
22	Bàn ghế	600				354	234 bộ cũ, không đảm bảo quy cách.
23	Bảng	53					
24	Khu để xe	1					

2. Các mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường THPT số 1 thành phố Lào Cai trở thành trường THPT có chất lượng giáo dục cao của tỉnh; đề chủ động tiếp cận, ứng dụng, triển khai chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục tiên tiến; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế; góp phần đưa giáo dục Lào Cai đứng trong tốp đầu các tỉnh khu vực Tây Bắc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu 1: Tập thể nhà trường

- Tập thể nhà trường: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phần đầu được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì vào năm học 2021-2022.

- Chi bộ Đảng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chữ thập đỏ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia, đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt Kiểm định chất lượng giáo dục mức 3.

2.2.2. Mục tiêu 2: Đội ngũ

Số lượng: Tổng biên chế của nhà trường năm 2020 là 76 biên chế, từ năm 2025 là 81 biên chế, gồm có:

- Cán bộ quản lý: 04 (01 Hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng); hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng 2 trở lên; 100% đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó ít nhất 75% ở mức tốt; 100% có trình độ Thạc sĩ trở lên; là nòng cốt chuyên môn trong nhà trường, cốt cán chuyên môn cấp tỉnh; sử dụng được ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nhà trường; có năng lực quản trị nhà trường, có năng lực xây dựng môi trường giáo dục dân chủ và năng lực phát triển quan hệ xã hội, có khả năng hướng dẫn giáo viên phát triển chương trình, quản lý hoạt động dạy học, giáo dục theo mục tiêu của chương trình phổ thông mới.

- Giáo viên: Đến năm 2025 có 69 biên chế giáo viên, đảm bảo tỷ lệ 2,25 giáo viên/lớp; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT trong đó có từ 50% trở lên giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn; 100% được xếp mức khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp, trong đó 85% trở lên được xếp ở mức tốt theo chuẩn nghề nghiệp; 85% trở lên là giáo viên dạy giỏi các cấp; 45% trở lên giáo viên là cốt cán cấp tỉnh; 100% giáo viên tiếng Anh có trình độ C1 trở lên; 100% biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy; 80% trở lên giáo viên biết giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức độ cơ bản; 50% trở lên số giáo viên các môn khoa học tự nhiên dạy được song ngữ các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học. Đội ngũ giáo viên có khả năng nghiên cứu khoa học, đủ giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật, giáo viên có năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm; giáo viên trong nguồn quy hoạch cán bộ quản lý được cử đi học nâng cao trình độ lý luận chính trị.

- Nhân viên: 08, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

2.2.3. Mục tiêu 3: Học sinh

- Đến năm 2025:

+ Duy trì ổn định số lượng 30 lớp, mỗi khối 10 lớp, 35 học sinh/lớp; tuyển sinh đầu cấp 350 học sinh; duy trì 100% số lượng, 100% học sinh chuyển lớp.

+ 100% học sinh được xếp loại hạnh kiểm khá, tốt.

+ 100% học sinh được xếp loại học lực khá, giỏi.

+ 85% học sinh đỗ đại học; 10% đi học nghề ở các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng cao, sau khi ra trường có việc làm, đáp ứng được yêu cầu hội nhập; 5% học sinh đi du học (tự túc, có học bổng).

+ 100% học sinh đạt trình độ Tiếng Anh theo quy định của Bộ GD&ĐT theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

+ Có từ 50% trở lên học sinh có khả năng đọc, hiểu và giải một số bài tập các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh.

+ 100% học sinh học Tin học theo định hướng nghề nghiệp, phân hóa theo 2 định hướng: Tin học ứng dụng và Khoa học máy tính. Liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục khác cấp chứng chỉ quốc tế về công nghệ thông tin cho học sinh.

+ Thi học sinh giỏi, thi khoa học kỹ thuật các cấp: Cấp tỉnh: từ 10% trở lên học sinh đạt giải; Cấp quốc gia: Hằng năm đều có học sinh đạt giải văn hóa hoặc Khoa học kỹ thuật.

+ 100% học sinh được tập huấn kỹ năng thường kỳ trong và ngoài trường giúp học sinh được trải nghiệm, rèn luyện tính tự lập, tự giác và tinh thần hợp tác.

+ 100% học sinh đều được luyện tập thể thao, nghệ thuật theo nguyện vọng với đội ngũ huấn luyện viên, giáo viên chuyên nghiệp.

- Đến năm 2030:

+ Duy trì ổn định số lượng 30 lớp, mỗi khối 10 lớp, 35 học sinh/lớp; tuyển sinh đầu cấp 350 học sinh; duy trì 100% số lượng, 100% học sinh chuyển lớp.

+ 100% học sinh được xếp loại hạnh kiểm khá, tốt.

+ 100% học sinh được xếp loại học lực khá, giỏi.

+ 75% học sinh đỗ đại học; 10% đi học nghề ở các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng cao, sau khi ra trường có việc làm, đáp ứng được yêu cầu hội nhập; 15% học sinh đi du học (tự túc, có học bổng).

+ 100% học sinh đạt trình độ Tiếng Anh theo quy định của Bộ GD&ĐT theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

+ Có từ 70% trở lên học sinh có khả năng đọc, hiểu và giải một số bài tập các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh.

+ 100% học sinh học Tin học theo định hướng nghề nghiệp. Liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục khác cấp chứng chỉ quốc tế về công nghệ thông tin cho học sinh.

+ Thi học sinh giỏi, thi khoa học kỹ thuật các cấp: Cấp tỉnh: từ 15% trở lên học sinh đạt giải; Cấp quốc gia: Hằng năm đều có học sinh đạt giải văn hóa hoặc Khoa học kỹ thuật. Có học sinh đạt giải ở cuộc thi quốc tế (viết luận, khoa học...).

+ 100% học sinh được tập huấn kỹ năng thường kỳ trong và ngoài trường.

+ 100% học sinh đều được luyện tập thể thao, nghệ thuật theo nguyện vọng với đội ngũ huấn luyện viên, giáo viên chuyên nghiệp.

2.2.4. Mục tiêu 4: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tiếp nhận và quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại Cụm trường phường Kim Tân, thành phố Lào Cai theo quy hoạch của tỉnh; tiếp tục tham mưu đầu tư trang bị cơ sở vật chất để đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Đổi mới dạy học

- Xây dựng và hoàn thiện chương trình giáo dục toàn diện; tiếp cận với chất lượng giáo dục của vùng phát triển. Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tối đa năng lực tự nghiên cứu, tự thu nhận và xử lý thông tin của thầy - trò một cách hệ thống; rèn luyện tư duy phân tích - tổng hợp, phát triển năng lực của mỗi cá nhân; tăng cường tính chủ động, tự chủ, sáng tạo, hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, áp dụng vào thực tiễn.

- Lựa chọn giới thiệu một số chương trình, tài liệu dạy học tiên tiến của giáo dục phổ thông nước ngoài, của các trường quốc tế, trong nước để tham khảo và vận dụng. Đầu tư tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy bằng Tiếng Anh các môn Toán, Vật lý, Hóa học. Nâng cao chất lượng dạy học tin học, ngoại ngữ, chú trọng kỹ năng thực hành.

- Xây dựng các chuyên đề giáo dục tự chọn, tổ chức giảng dạy dưới dạng hoạt động các câu lạc bộ của học sinh có sự quản lý, hướng dẫn của giáo viên các tổ bộ môn (như Câu lạc bộ Tiếng Anh, Stem, Thể dục thể thao, Mỹ thuật, Hội nhập và sáng tạo, Nghệ thuật, MC và truyền thông, ...).

- Đổi mới công tác đánh giá chất lượng dạy học và giáo dục trong nhà trường thông qua việc xây dựng các tiêu chí, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá. Thực hiện công tác kiểm định chất lượng, đảm bảo đánh giá đúng thực tế, công bằng và khách quan; vận dụng các phương pháp kiểm định tiên tiến.

- Thiết lập quan hệ hợp tác với một số trường chất lượng cao của các tỉnh, thành phố vùng phát triển và các trường ở nước ngoài.

2. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tham mưu tổ chức thi tuyển để lựa chọn CBQL, GV với những điều kiện thiết thực, đúng quy định.

+ Điều kiện thi tuyển đối với CBQL: Đảm bảo các tiêu chuẩn chung theo quy định bổ nhiệm CBQL trường học và các tiêu chí trong mục 2.3 về cán bộ quản lý.

+ Điều kiện đối với giáo viên thi tuyển về trường:

Giáo viên (kể cả giáo viên tỉnh ngoài) trình độ Đại học sư phạm trở lên; đã được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường. Ưu tiên giáo viên đã đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia; giáo viên có thành tích trong bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia; giáo viên có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ; giáo viên có khả năng dạy song ngữ.

Sinh viên ra trường tốt nghiệp Đại học sư phạm loại Khá trở lên. Ưu tiên sinh viên học tại trường Đại học sư phạm Hà Nội tốt nghiệp đạt loại Giỏi.

- rà soát, phân loại đội ngũ giáo viên hàng năm; đề xuất luân chuyển những giáo viên không đáp ứng yêu cầu của trường có chất lượng giáo dục cao đến công tác ở đơn vị khác.

- Tăng cường công tác tự bồi dưỡng và cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, tổ chức các hoạt động giáo dục khác hướng đến phát triển toàn diện học sinh.

3. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ

Tiếp tục quản lý, sử dụng và đề xuất đầu tư hợp lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hiện đại, thông minh, đồng bộ, đảm bảo đầy đủ các tiêu chí của trường có chất lượng giáo dục cao.

4. Khai thác hợp lý các nguồn lực tài chính

- Quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài chính vào hoạt động của nhà trường, trong đó:

+ Kinh phí nhà nước: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; thiết bị giáo dục; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; lương và phụ cấp theo quy định của nhà nước; thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh giỏi, học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, diện chính sách.

+ Nguồn thu học phí chất lượng cao và nguồn xã hội hóa: Sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị phục vụ dạy học hàng năm; chi trả thu nhập cho cán bộ, giáo viên (theo quy chế của nhà trường); chi phí tổ chức các hoạt động giáo dục; xây dựng quỹ khuyến học.

- Thu học phí chất lượng cao gồm:

+ Học phí chương trình giáo dục cơ bản (chung cho tất cả học sinh).

+ Học phí giáo dục chất lượng cao và dịch vụ chất lượng cao (theo nhu cầu thực tế của học sinh).

5. Tăng cường hoạt động của hệ thống thông tin

- Xây dựng hệ thống thông tin tổng thể và cơ sở dữ liệu (CSDL) nhà trường theo hướng liên thông với CSDL Sở GD&ĐT; quản lý, khai thác hiệu quả CSDL trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhà trường (Vnedu, Smas, ...), triển khai hồ sơ điện tử, sử dụng phần mềm hỗ trợ trong giảng dạy (Phần mềm thiết kế bài giảng điện tử Adobe presenter; phần mềm tạo bài giảng tương tác Activinspire, phần mềm hỗ trợ dạy môn Toán, Vật lý, Hóa học, ...).

- Quản lý, khai thác hiệu quả website nhà trường; hệ thống hội nghị trực tuyến. Triển khai hiệu quả nhiệm vụ giáo dục thông minh, tập trung vào các giải pháp giáo dục thông minh (Hệ thống phần mềm xây dựng môi trường học tập, thi trực tuyến hướng đến mô hình học tập kết nối; mô hình lớp học thông minh; mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM; xây dựng - khai thác thư viện số dùng chung; ...).

- Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

6. Tăng cường các mối quan hệ với cộng đồng

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, các cấp chính quyền địa phương, các lực lượng xã hội để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, chất lượng cao, toàn diện.

- Tích cực huy động, vận động sự ủng hộ của nhân dân; vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm ủng hộ, đóng góp kinh phí để bổ sung nguồn lực xây dựng nhà trường.

- Đẩy mạnh hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở giáo dục có uy tín trong nước và nước ngoài nhằm học tập, trao đổi những kinh nghiệm về công tác quản lý, phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng và phát triển năng khiếu của học sinh; tham gia, xây dựng hành lang pháp lý tạo điều kiện thuận lợi để trường THPT số 1 thành phố Lào Cai hợp tác quốc tế với các cơ sở giáo dục nước ngoài (đặc biệt là với Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, Úc). Tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực quản lý, giáo dục và khả năng sử dụng ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh. Mời ít nhất 02 giáo viên người bản địa đến giảng dạy tiếng Anh tại trường THPT số 1 thành phố Lào Cai.

7. Phát huy năng lực lãnh đạo và quản lý

- Hiệu trưởng nghiên cứu các văn bản đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị trường học, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện ở nhà trường. Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học, Kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, ... có chất lượng; nghiên cứu xác định các lĩnh vực tạo chuyển biến nổi bật, tạo đột phá năm học và giai đoạn để xây dựng thương hiệu nhà trường.

- Phân công nhiệm vụ, giao trách nhiệm rõ từng vị trí việc làm (Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, trưởng các bộ phận, của giáo viên, nhân viên) trong thực hiện nhiệm vụ; từng cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được phân công; kiểm tra nội bộ kịp thời, thường xuyên nhằm điều chỉnh những sai sót, lệch lạc trong thực hiện nhiệm vụ; tích cực tự kiểm tra, tự đánh giá.

- Thực hiện tốt việc nêu gương, cam kết trách nhiệm; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng làm “nòng cốt chuyên môn” trong thực hiện nhiệm vụ, đảm đương việc khó, công khai lịch công tác hàng tuần của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Thực hiện dân chủ tập trung, công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, hoạt động giáo dục; xã hội hóa, tích cực hội nhập.

- Tổ chức đối thoại, tư vấn cho cha mẹ học sinh và học sinh về dạy thêm, học thêm, hướng nghiệp. Tuyên truyền tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của cha mẹ học sinh và xã hội với các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác quản lý, tuyên truyền kết quả giáo dục và các hoạt động đổi mới.

V. Tổ chức thực hiện

1. Lộ trình

- Năm học 2020-2021: Tiếp tục tham mưu cho Sở GD&ĐT hoàn thiện xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách đặc thù của trường THPT có chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập; hoàn thiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

theo chương trình giáo dục phổ thông mới đáp ứng được yêu cầu của trường THPT có chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập.

- Từ năm học 2021-2022: Hoàn thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị; từng bước triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, hoạt động của trường THPT chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập.

2. Trách nhiệm thực hiện

- Hội đồng trường: Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng trường xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng lĩnh vực công tác.

- Ban lãnh đạo: Các thành viên Ban lãnh đạo nhà trường chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng năm học; cụ thể hóa các mục tiêu, hệ thống giải pháp thành các biện pháp cụ thể thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức nhà trường từng năm học. Chỉ đạo các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong trường căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện.

- Các tổ chức, đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng: Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, xây dựng hệ thống biện pháp thực hiện các mục tiêu cụ thể theo lộ trình thực hiện.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Xây dựng trường THPT số 1 TP Lào Cai trong giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến 2030 phát triển một cách toàn diện; tạo điều kiện, cơ hội về nhu cầu học tập trong môi trường chất lượng cao của học sinh trong tỉnh; thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của thành phố Lào Cai và tỉnh Lào Cai trong xu thế hội nhập, thu hút đầu tư giáo dục cao cho con em của thành phố và của tỉnh; từng bước đưa giáo dục Lào Cai đứng trong tốp đầu các tỉnh khu vực Tây Bắc. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có năng lực và phát triển chương trình ngày càng đáp ứng nhu cầu người học, tiếp cận chương trình giáo dục trong khu vực, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá; đổi mới phương pháp học tập, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo của Đảng, Nhà nước.

II. Kiến nghị

Đề nghị Sở GD&ĐT quan tâm, đầu tư các nguồn lực để xây dựng nhà trường thành đơn vị điển hình về dạy và học ngoại ngữ, trường chất lượng cao, trường học thông minh và phấn đấu là trường đi đầu về các hoạt động đổi mới giáo dục của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Lãnh đạo trường;
- Các tổ chuyên môn;
- Công đoàn, Đoàn thanh niên;
- GV, NV;
- Lưu VT.


Phạm Thị Tuyết Thanh

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Đồng ý với chiến lược phát triển
nhà trường.*

Lào Cai, ngày 15 tháng 10 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Ninh

Nguyễn Anh Ninh